

Gia Lai, ngày 21 tháng 01 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA  
TỈNH GIA LAI**

**1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua**

Mức nước trên các sông suối của tỉnh Gia Lai từ ngày 11 – 20/01/2026 phổ biến có dao động với biên độ nhỏ từ 0.05 – 0.10 mét theo xu thế giảm. Riêng trên sông Lại Giang (tại trạm thủy văn Bồng Sơn) và sông An Lão (tại trạm thủy văn An Hòa) dao động theo điều tiết của hồ chứa.

**2. Dự báo, cảnh báo**

Mức nước trên các sông suối của tỉnh Gia Lai từ ngày 21 – 31/01/2026 phổ biến có dao động với biên độ từ 0.05 – 0.15 mét theo xu thế giảm. Riêng trên sông Lại Giang (tại trạm thủy văn Bồng Sơn) và sông An Lão (tại trạm thủy văn An Hòa) dao động theo điều tiết của hồ chứa.

Cảnh báo các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Ít có khả năng xảy ra.

Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Ít có khả năng tác động.

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo lúc 16h00'/01/02/2026**

**Tin phát lúc 16h00' ngày 21/01/2026**

**Nơi nhận:**

- Ban PCTT-TKCN&PTDS tỉnh;
- BCH PCTT-TKCN&PTDS cấp xã;
- Báo và PTTT Gia Lai;
- VP UBND tỉnh Gia Lai;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai;
- Sở Công thương tỉnh Gia Lai;
- Phòng QLDB&TTDL KTTV;
- Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia;
- Đài KTTV Trung Bộ;
- Lưu Đài tỉnh.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hà Quyết Thắng**

**Phụ lục 1**

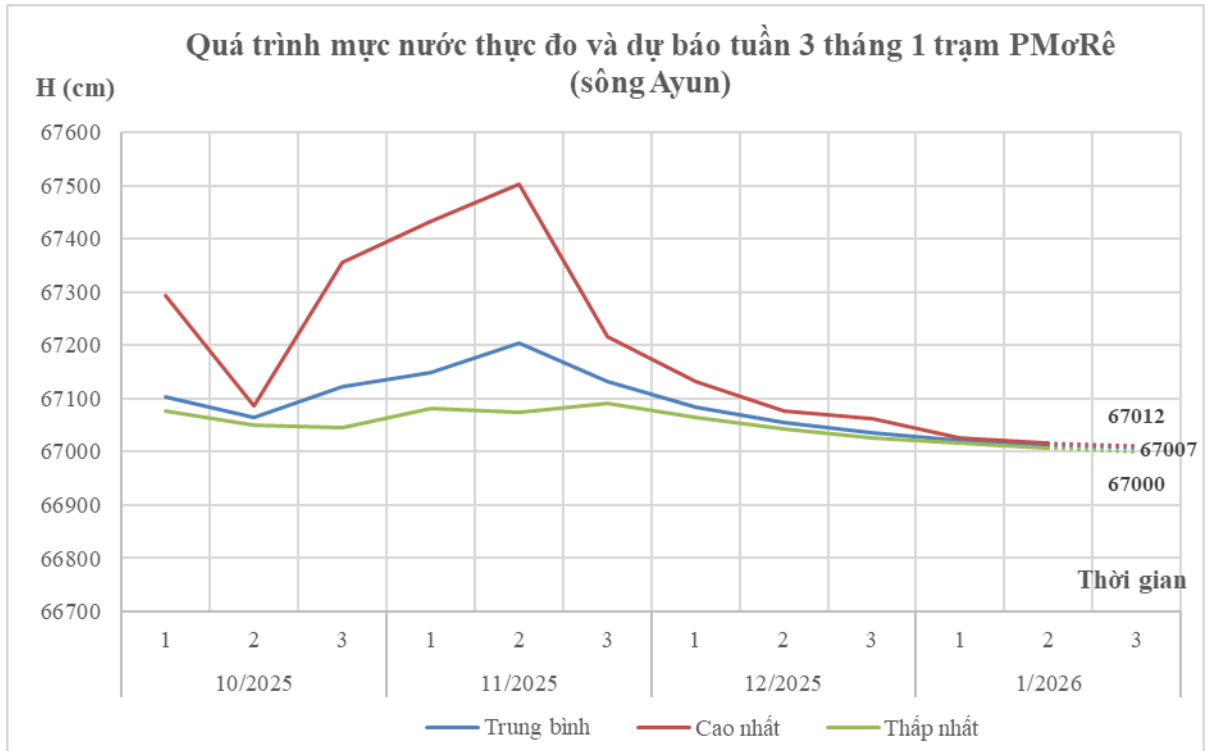
**Bảng 1.1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo tại các trạm**

*Đơn vị: cm*

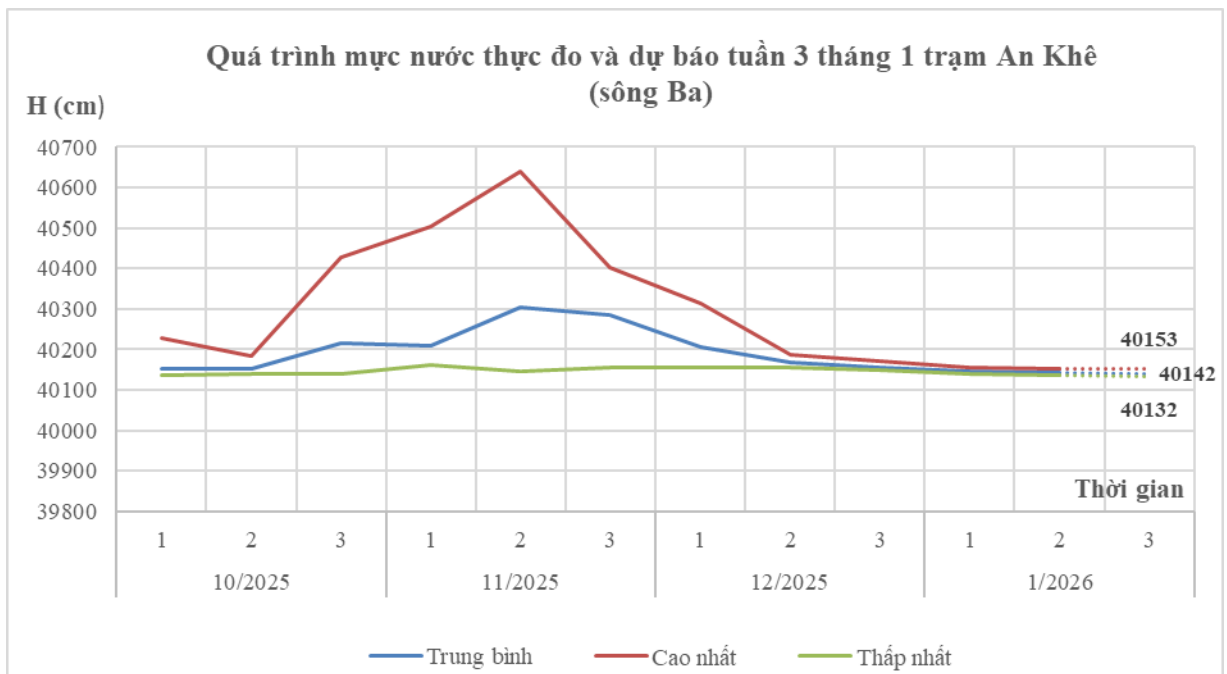
Sông	Trạm	Yếu tố	Thực đo 10 ngày qua			Dự báo								
			Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	5 ngày đầu			6 ngày cuối			Đặc trưng 11 ngày		
						Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Ayun	PMơRê	H (cm)	67013	67017	67008	67008	67012	67003	67005	67009	67000	67007	67012	67000
		Q (m <sup>3</sup> /s)	3.86	4.34	3.46	3.46	3.85	2.97	3.17	3.56	2.68	3.26	3.85	2.68
Ba	An Khê	H (cm)	40143	40153	40136	40142	40153	40133	40142	40152	40132	40142	40153	40132
		Q (m <sup>3</sup> /s)	10.0	14.3	7.31	9.57	14.3	6.22	9.57	13.8	5.86	9.57	14.3	5.86
	Ayunpa	H (cm)	14923	14934	14917	14920	14932	14915	14918	14930	14912	14919	14932	14912
		Q (m <sup>3</sup> /s)	68.8	79.2	63.7	66.1	77.2	62.2	64.5	75.2	59.8	65.3	77.2	59.8
An Lão	An Hòa	H (cm)	1949	1954	1929	1946	1952	1940	1945	1950	1930	1946	1952	1930
		Q (m <sup>3</sup> /s)	21.0	24.4	11.9	19.9	23.3	16.9	19.4	22.1	12.3	19.9	23.3	12.3
Lại Giang	Bồng Sơn	H (cm)	368	399	339	355	390	320	352	380	300	354	390	300
Kôn	Vĩnh Sơn	H (cm)	6859	6862	6857	6857	6860	6854	6855	6858	6850	6856	6860	6850
	Bình Nghi	H (cm)	1179	1190	1171	1175	1185	1168	1173	1183	1165	1174	1185	1165
	Thanh Hòa	H (cm)	669	680	650	667	680	640	665	675	638	666	680	638

## Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo tại các trạm

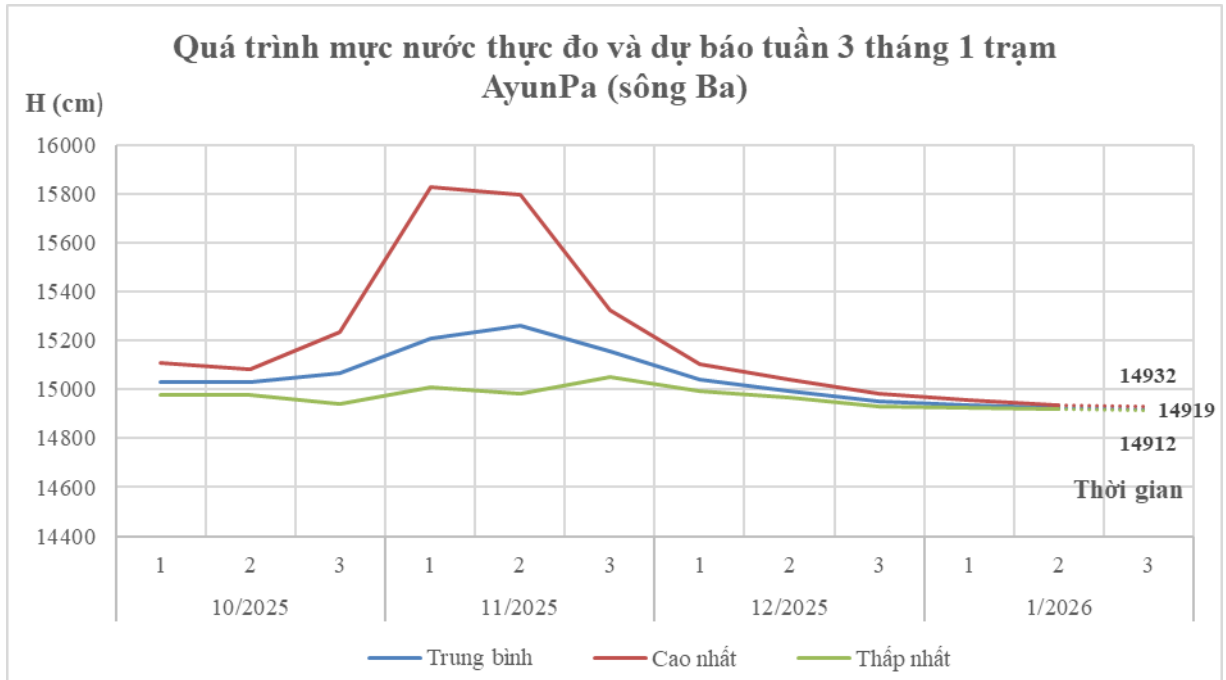
### a. Trạm PMrê



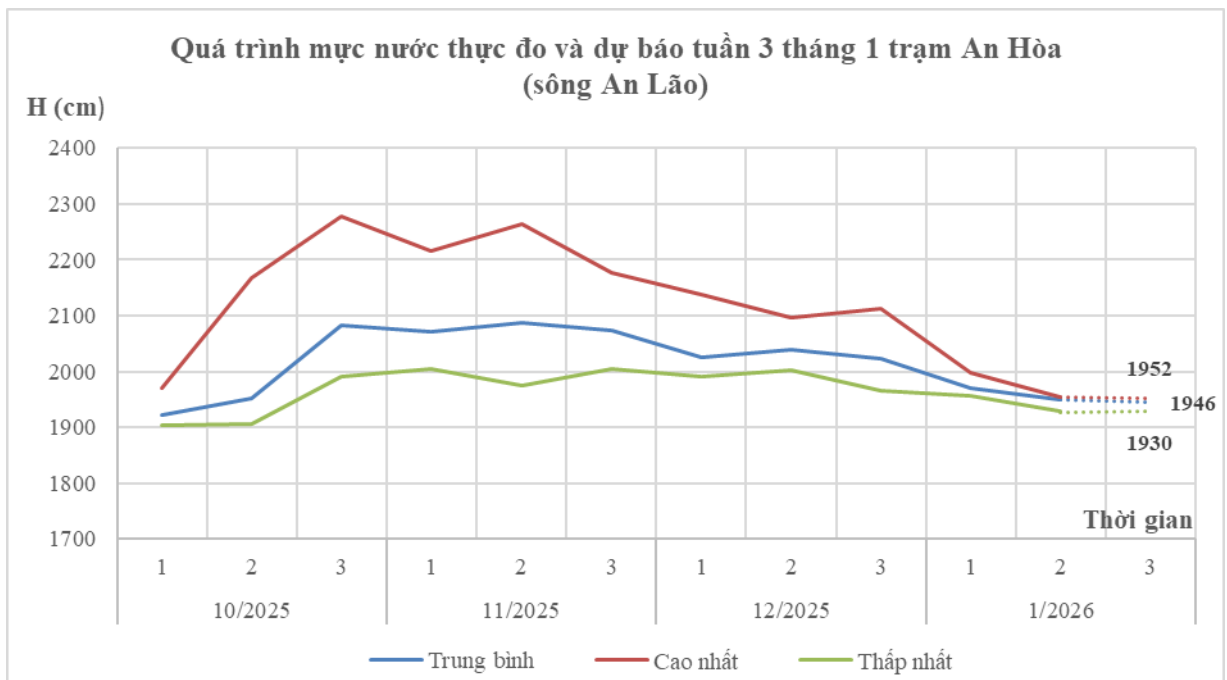
### b. Trạm An Khê



c. Trạm Ayun Pa



d. Trạm An Hòa



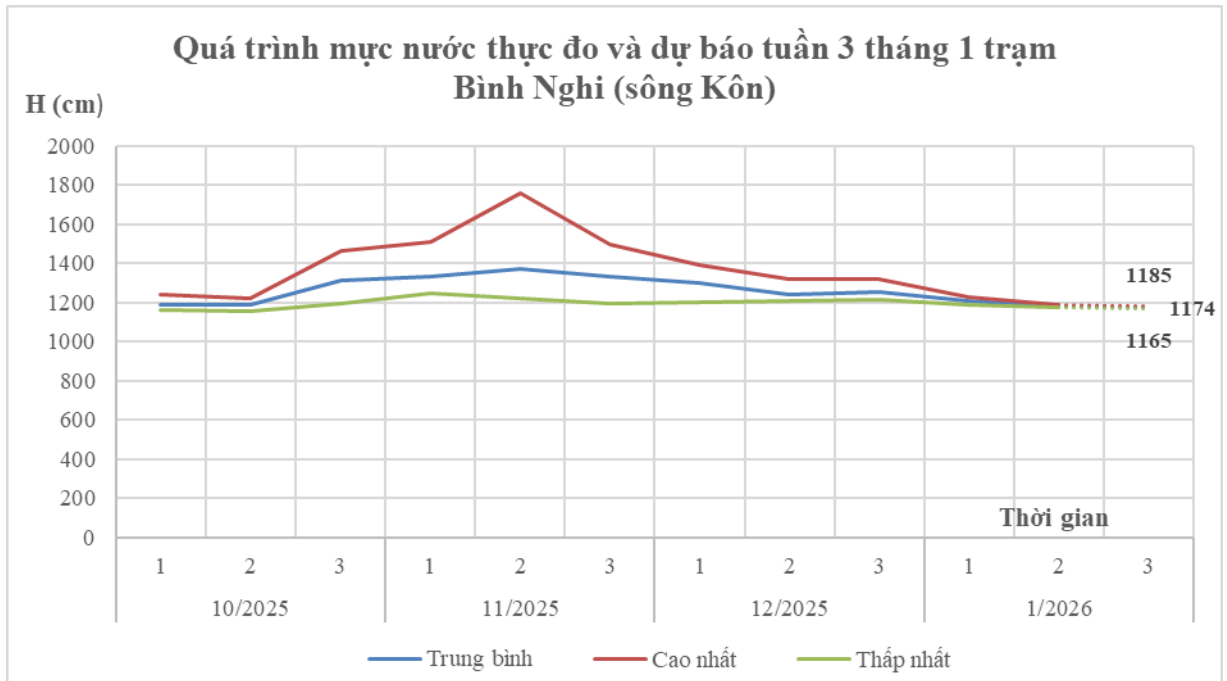
e. Trạm Bồng Sơn



f. Trạm Vĩnh Sơn



g. Trạm Bình Nghi



h. Trạm Thanh Hòa

